




Tên _____
 Ngày ____ tháng ____ 2007

Bài 27

AC ẮC ÂC

AC	ẮC	ÂC
ác- cruel	chắc chắn- sure, certain	nhấc- to lift up
các em- all kids, every kid	lắc đầu- to shake one's head	Xôi gấc- a type of sticky rice (orange color)
khác- different	sắc, bén- sharp	giấc mơ- a dream
rác- garbage	nhắc, nhắc nhở- to remind	tấc- decimeter
lạc đà- camel 	Cái mắc áo- a coat hanger 	giấc ngủ- n. sleep 

- I. Em dùng những từ thường dùng sau đây để đặt câu cho những chữ có vần AC, ẮC và ẪC. *Use the given sight words, only if you want to, and make a sentence for the words ending with AC, ẮC and ẪC.*

dùng- use	to	Khi- when	mỗi- per, each	sợ- scare	thấy- to see, look
làm- make, do	to	nấu- cook	uống- drink	phải- must, should	con dao- knife
bảo- to tell		biết- know	cười- laugh	chạy- run	người- people

Ắc.....

.....

Các em.....

.....

lạc đà.....

.....

mắc.....

.....

lắc đầu.....

.....

sắc.....

.....

nhắc.....

.....

giấc mơ.....

.....
giác ngủ.....

.....
xôi gấc.....

II. Chọn chữ cho mỗi câu. *Find the correct word for each sentence.*

1. (Các, cắ, cắ) nhà trong xóm em trông sang trong (smart, luxurious) lắm.
2. Người Phi Châu dùng (cái mắc áo, lạc đà, giác ngủ) để chở đồ trong sa mạc.
3. Ba mẹ (nhắc nhở, nhắc, nhắc) em làm bài tiếng Việt mỗi ngày.
4. Em (chắc chắn, chắc chắn, chắc chắn) em phải đi học trường Việt Ngữ Lạc Hồng.
5. Em bé (lác đầu, lác đầu, lác đầu) không thích ăn (xôi gấc, xoi gấc, xôi gấc).

III. Em viết lại 5 câu trên, nhưng điền vào hàng gạch những từ em đã học. Phải làm cho câu văn đúng nghĩa. *Rewrite the 5 sentences above by filling in the blank with words you know. Make sure the sentences make sense.*

6. (Các, cắ, cắ) nhà trong xóm em trông _____ (an adjective) lắm.

- 7. Người Phi Châu dùng (cái mắc áo, lạc đà, giắc ngủ) để chở _____ (a noun) trong sa mạc.
- 8. Ba mẹ (nhắc nhở, nhắc, nhắc) em _____ (a verb) mỗi ngày.
- 9. Em (chắc chắn, chắc chắn, chắc chắn) em phải _____ (a verb) hôm nay.
- 10. Em bé (lác đầu, lác đầu, lác đầu) không thích ăn (xôi gấc, xoi gấc, xôi gấc) với _____ (a noun).

IV. Viết một câu tiếng Việt nói về thời tiết, tin tức, chuyện vui, và chuyện buồn xảy ra cho em trong tuần này. *Please write one sentence for each describing the weather, something taking place in the news, a happy event, and sad event happened to you this week.*

- 1).....
.....
- 2).....
.....
- 3).....
.....
- 4).....
.....